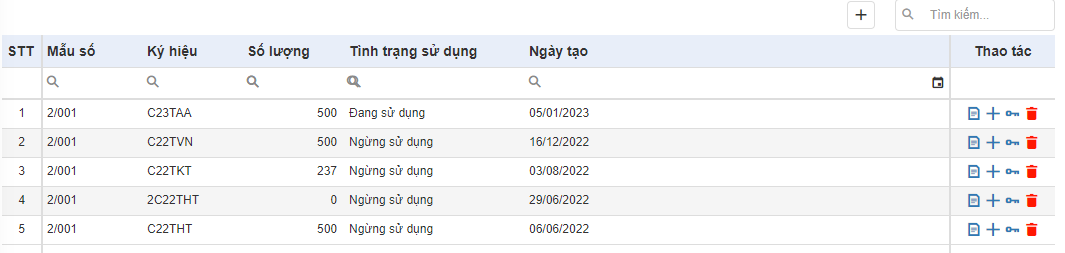
# Mô tả tóm tắt

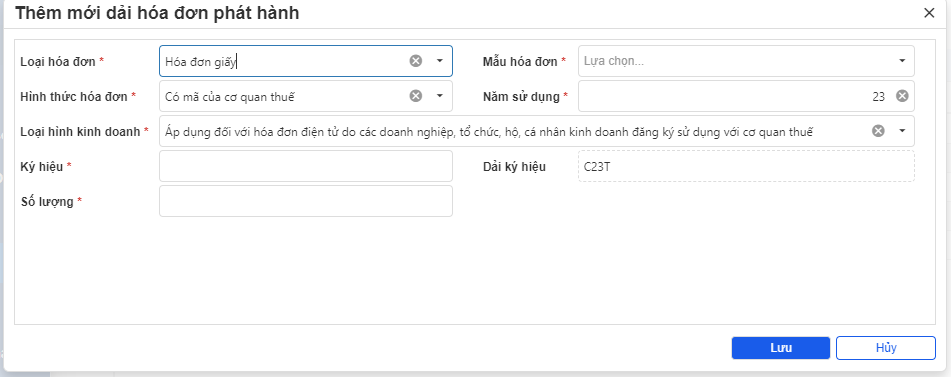
Quản lý dải ký hiệu của hóa đơn: Liệt kê, Thêm mới, xem chi tiết, xóa, gia hạn

# Yêu cầu giao diện

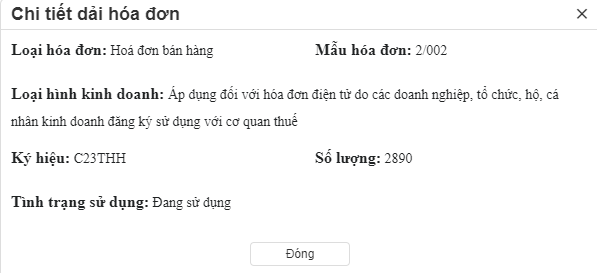
Giao diện Liệt kê



Giao diện thêm mới



Giao diện xem



# Mô tả bảng dữ liệu

<https://drive.google.com/file/d/1Lz1YRBQBA5K4b5dqnNTFVSG6JPuSgGA3/view?usp=sharing>

# Tích hợp hóa đơn điện tử

<https://docs.google.com/document/d/1QAF9kdndYXOguLq_VhARQsztmUSpNCwk1mjfRVxgzJw/edit?usp=sharing>

# Chức năng liệt kê

Các tình huống sử dụng

Tình huống 1:

| Đối tượng | Người dùng |
| --- | --- |
| Hoạt động | Người dùng đăng nhập hệ thống thành công và có vai trò thực hiện chức năng xem danh sách dải ký hiệu |
| Thông tin đầu vào | User phải đăng nhập thành công vào hệ thống |
| Thông tin đầu ra | Khi vào giao diện sẽ thực hiện kiểm tra:   * Trong bảng **config\_invoices** có tồn tại cus\_id của đơn vị mà người dùng đang chọn hay không? Nếu chưa thì thực hiện thông báo "Doanh nghiệp chưa được cấu hình hóa đơn điện tử, vui lòng thực hiện cấu hình thông tin kết nối Invoice". Bấm OK sẽ chuyển sang màn hình Kết nối hóa đơn điện tử <https://docs.google.com/document/d/1Xdd6U64d2OezaxyBlugRHvIYdbuxYiiJ/edit?usp=sharing&ouid=112220442291251445991&rtpof=true&sd=true> * Trong bảng **invoice\_templates** kiểm tra đơn vị đã có mẫu hóa đơn nào hay chưa? Nếu chưa thì thông báo "Vui lòng đăng ký mẫu hóa đơn điện tử". Bấm OK, chuyển sang màn hình Quản lý mẫu hóa đơn <https://docs.google.com/document/d/1tyM2KMMUhvEONUtZW6rB5y0n6cs2l6X-_pK92OPuAKY/edit?usp=drive_link> |

Tình huống 2:

| Đối tượng | Người dùng |
| --- | --- |
| Hoạt động | Người dùng đăng nhập hệ thống thành công và có vai trò thực hiện chức năng xem danh sách dải ký hiệu |
| Thông tin đầu vào | User phải đăng nhập thành công vào hệ thống  User đăng nhập phải có quyền truy cập vào chức năng |
| Thông tin đầu ra | Lưới hiển thị danh sách ký hiệu. dữ liệu lấy trong bảng **register\_publish\_invoices**   * Lưới hiển thị danh sách mặc định ban đầu hiển thị tất cả các dải ký hiệu của đơn vị thỏa mãn enterprise\_id trùng với enterprise\_id của MST đang chọn và sắp xếp theo thứ tự thêm/sửa sau thì xếp trước * Nếu lưới không có dữ liệu thì hiển thị thông báo “Không có dữ liệu” * Khi nhấn vào phần header của các cột STT, Mẫu số, Ký hiệu, Số lượng, Tình trạng sử dụng, Ngày tạo, các bản ghi trên lưới sẽ được sắp xếp lại dựa trên giá trị của các bản ghi trên cột được nhấn theo thứ tự từ nhỏ đến lớn/từ lớn xuống nhỏ. * Dưới phần header của các cột Mẫu số, Ký hiệu, Số lượng, Tình trạng sử dụng, Ngày tạo có thêm ô tìm kiếm được dùng để lọc dữ liệu của lưới theo từng cột tương ứng. Phương thức lọc được dựa trên sự so sánh giữa giá trị trong ô tìm kiếm với giá trị thông tin tương ứng của các bản ghi có trên lưới.   **2. Phân trang danh sách**  - Hiển thị danh sách thông tin của các dải ký hiệu, lưới dạng phân trang. Mặc định ban đầu hiển thị tối đa 10 bản ghi. Trường hợp có nhiều hơn 10 bản ghi cần hiển thị, ở phía dưới lưới hiển thị sẽ xuất hiện thêm:  + Bộ button chuyển trang  giúp người dùng chuyển đổi sang trang vật tư, hàng hóa để có thể xem và thao tác trên các bản ghi tiếp theo. Ngầm định trang 1. + Bộ button thiết lập số bản ghi hiển thị trên một trang . Có 4 giá trị 10, 25, 50, 100 tương ứng với số lượng bản ghi tối đa có thể hiển thị trên một trang lưới. Ngầm định 10 bản ghi.  **3. Lưới hiển thị bao gồm các thông tin:**  Dữ liệu lấy trong bảng **register\_publish\_invoices** , không hiển thị các bản tin có status = -1   * Mẫu số: template\_name * Ký hiệu: symbol * Số lượng: number * Tình trạng sử dụng: status Hiển thị text tương ứng với giá trị. 0: ngừng sử dụng, 1: đang sử dụng * Ngày tạo: created\_date   4. Các nút chức năng trên lưới  - Nút xóa, Gia hạn, Xem chi tiết, Ngừng sử dụng, tiếp tục sử dụng  5. Các nút trên tiêu đề danh sách  Thêm mới  6. Các lưu ý:  - Trường hợp NSD không có quyền Truy cập, Xem thì ẩn menu - Trường hợp NSD tích vào chức năng được quyền truy cập, ví dụ chỉ có quyền Xem thì khi tích các chức năng không có quyền (Thêm, Sửa, Xóa) -> Cảnh báo “Người sử dụng không có quyền thực hiện.”  - NSD có quyền Xem thì có quyền Xuất danh sách ra excel và tìm kiếm  - NSD có quyền Thêm, Sửa, Xóa -> thì ngầm định có quyền Xem  - NSD có quyền Thêm -> có quyền import. |

# Chức năng thêm mới

Các tình huống sử dụng

| Đối tượng | Người dùng |
| --- | --- |
| Hoạt động | NSD chọn phân hệ Dải ký hiệu hóa đơn  Trên giao diện liệt kê, chọn nút Thêm |
| Thông tin đầu vào | Các thông tin trên form thêm mới:   * Loại hóa đơn(\*) : ddl các loại. **category\_template\_invoices**.invoice\_category\_template\_name (các bản ghi có tình trạng khác -1) Mặc định chọn loại đầu tiên * Mẫu hóa đơn(\*): ddl mẫu hóa đơn theo loại hóa đơn đã chọn. bảng **invoice\_templates**.template\_name (các bản ghi có tình trạng là 1) * Hình thức hóa đơn(\*): ddl 3 loại: Có mã từ CQT, Không có mã từ CQT, Có mã từ MTT * Năm sử dụng(\*): mặc định là năm hiện tại (2 số cuối). Người dùng được phép sửa năm. Bắt buộc 2 chữ số và lớn hơn hoặc bằng năm hiện tại, nếu không sẽ báo lỗi Năm sử dụng không hợp lệ * Loại hình kinh doanh(\*): ddl cho khách hàng chọn các loại hình. Nếu hình thức hóa đơn chọn là có mã hoặc không có mã từ CQT thì loại hình kinh doanh hiển thị tự động là Áp dụng đối với hóa đơn điện tử do các doanh nghiệp, tổ chức, hộ, cá nhân kinh doanh đăng ký sử dụng với cơ quan thuế, còn nếu hình thức hóa đơn chọn là có mã của cơ quan thuế thì mặc định là Áp dụng đối với hóa đơn điện tử được khởi tạo từ máy tính tiền   + <option value="D">Áp dụng đối với hóa đơn điện tử đặc thù không nhất thiết phải có một số tiêu thức do các doanh nghiệp, tổ chức đăng ký sử dụng.</option>   + <option value="L">Áp dụng đối với hóa đơn điện tử của cơ quan thuế cấp theo từng lần phát sinh.</option>   + <option value="M">Áp dụng đối với hóa đơn điện tử được khởi tạo từ máy tính tiền.</option>   + <option selected="selected" value="T">Áp dụng đối với hóa đơn điện tử do các doanh nghiệp, tổ chức, hộ, cá nhân kinh doanh đăng ký sử dụng với cơ quan thuế</option>. Mặc định lựa chọn   + <option value="N">Áp dụng đối với phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ điện tử</option>   + <option value="B">Áp dụng đối với phiếu xuất kho hàng gửi bán đại lý điện tử</option>   + <option value="G">Áp dụng đối với tem, vé, thẻ điên tử là hóa đơn giá trị gia tăng</option>   + <option value="H">Áp dụng đối với tem, vé, thẻ điên tử là hóa đơn bán hàng</option> * Ký hiệu(\*): Cho khách hàng nhập 2 ký tự A-Z (tự động in hoa) * Dải ký hiệu: Theo các lựa chọn của các trường, sẽ sinh ra dải ký hiệu tương ứng để khách hàng xem trước, Đây là thông tin không được phép sửa.   + ***Ký tự thứ 1 nó là C hoặc K.***  *C thể hiện hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế hoặc có mã từ MTT, K thể hiện hóa đơn điện tử không có mã; Kiểm tra trong bảng hkddonvis.DkyMaCQT, nếu giá trị là null hoặc khác C thì ký tự thứ 2 là K. Nếu là C thì ký tự thứ 2 là C*   + ***2 ký tự tiếp theo là năm hiện tại ví dụ như năm 2021, nhập năm là 21***   + ***1 ký tự tiếp theo nó sẽ là chữ cái dựa vào loại hình doanh nghiệp. quy định là T, D, L, M, N, B, G, H thể hiện loại hóa đơn điện tử được sử dụng, cụ thể:***     - ***+*** *Chữ T: Áp dụng đối với hóa đơn điện tử do các doanh nghiệp, tổ chức, hộ, cá nhân kinh doanh đăng ký sử dụng với cơ quan thuế;*     - *+ Chữ D: Áp dụng đối với hóa đơn bán tài sản công và hóa đơn bán hàng dự trữ quốc gia hoặc hóa đơn điện tử đặc thù không nhất thiết phải có một số tiêu thức do các doanh nghiệp, tổ chức đăng ký sử dụng;*     - *+ Chữ L: Áp dụng đối với hóa đơn điện tử của cơ quan thuế cấp theo từng lần phát sinh;*     - *+ Chữ M: Áp dụng đối với hóa đơn điện tử được khởi tạo từ máy tính tiền;*     - *+ Chữ N: Áp dụng đối với phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ điện tử;*     - *+ Chữ B: Áp dụng đối với phiếu xuất kho hàng gửi bán đại lý điện tử;*     - *+ Chữ G: Áp dụng đối với tem, vé, thẻ điện tử là hóa đơn giá trị gia tăng;*     - *+ Chữ H: Áp dụng đối với tem, vé, thẻ điện tử là hóa đơn bán hàng.*   + ***2 chữ cuối cùng là người dùng nhập trên form*** * Số lượng(\*): Cho khách hàng nhập kiểu số nguyên dương, lớn hơn 0 |
| Thông tin đầu ra | * NSD không có quyền truy cập-> Cảnh báo “Bạn không có đủ quyền thực hiện chức năng này.”   NSD chọn Đóng cảnh báo -> Quay lại danh sách liệt kê dải ký hiệu Validate Lưu:  + Khi ấn Lưu, kiểm tra maxlength các trường, nếu vượt quá thì cảnh báo “<Tên trường> không nhiều hơn <maxlength> ký tự.”  + Các trường bắt buộc để trống thì cảnh báo “<Tên trường>” không được để trống.”  + Các trường mô tả kiểu dữ liệu, nếu khác kiểu dữ liệu “<Tên trường>” sai định dạng.”  + Nếu ký hiệu đã có trong hệ thống của cùng đơn vị -> cảnh báo “Dải ký hiệu đã tồn tại.”  Nếu dữ liệu thỏa mãn thỏa mãn thì gọi API bên hóa đơn điện tử để đăng ký dải hóa đơn **Inv\_PSRegisterPublishInvoice (**[**https://docs.google.com/document/d/1QAF9kdndYXOguLq\_VhARQsztmUSpNCwk1mjfRVxgzJw/edit#heading=h.nnc2wokl4l42**](https://docs.google.com/document/d/1QAF9kdndYXOguLq_VhARQsztmUSpNCwk1mjfRVxgzJw/edit#heading=h.nnc2wokl4l42) **với** Account =**config\_invoices.username với enterprise\_id ứng với đơn vị đang được chọn** , ACpass=**config\_invoices.password đã giải mã với enterprise\_id ứng với đơn vị đang được chọn**, username = **config\_invoices.username với enterprise\_id ứng với đơn vị đang được chọn**, password =**config\_invoices.password đã giải mã** **với enterprise\_id ứng với đơn vị đang được chọn**, Pattern= mẫu hóa đơn khách chọn trên form , Type=0, Serial=Trường dải ký hiệu trên form thêm mới, Quantity=trường số lượng trên form thêm mới  - Trường hợp API trả về thông báo không thành công thì hiển thị thông báo Đăng ký dải hóa đơn phát hành không thành công| <Mã lỗi hóa đơn điện tử trả về>  - Trường hợp API trả về thành công thì thực hiện thêm mới vào db, bảng **register\_publish\_invoices** (  invoice\_template\_id = **invoice\_templates.Id ứng với mẫu số đã chọn**  symbol = Dải ký hiệu trên form thêm mới  number = số lượng trên form thêm mới  start\_date = ngày hiện tại  status = 1  enterprise\_id = id của đơn vị đang chọn  start\_year = năm sử dụng trên form  enterprise\_type = option value được chọn của trường loại hình kinh doanh  invoice\_type = loại hóa đơn được chọn trên form tương ứng 1. Có mã từ CQT, 2. Không có mã từ CQT, 3. Có mã từ MTT  template\_name = mẫu số được chọn  invoice\_category\_template\_id = **invoice\_templates.invoice\_category\_template\_id ứng với mẫu số được chọn**  **invoice\_category\_template\_name = category\_template\_invoices**.invoice\_category\_template\_name  creator\_id=updater\_id = id user đăng nhập  created\_date = updated\_date = now  )  Đồng thời lưu bảng lịch sử  **history\_register\_publish\_invoices (**  **symbol = ký hiệu trên form**  **number = số lượng trên form**  **enterprise\_id = id đơn vị đang tạo**  **creator\_id= updater\_id = id người dùng đang đăng nhập**  **created\_date=updated\_date = now**  **type= 1**  và thông báo “Đăng ký dải hóa đơn phát hành thành công”   * Lưu thành công:   + Đóng form Thêm mới. Tạo 1 dòng bản ghi trong danh sách  + Tự động load lại số bản ghi và số trang của danh sách |

# Xem chi tiết

Các tình huống sử dụng

| Đối tượng | Người dùng |
| --- | --- |
| Hoạt động | NSD chọn phân hệ Dải ký hiệu. Trên giao diện liệt kê, người dùng chọn chức năng xem tại dòng bản ghi tương ứng |
| Thông tin đầu vào | Danh sách dải ký hiệu chứa bản tin được chọn |
| Thông tin đầu ra | Bấm xem, thực hiện hiển thị thông tin lấy từ bảng **register\_publish\_invoices**  . Các thông tin hiển thị  Tên loại hóa đơn =>**register\_publish\_invoices.**invoice\_category\_template\_name  Mẫu hóa đơn. =>**register\_publish\_invoices.template\_name**  Loại hình doanh nghiệp. enterprise\_type=> hiển thị text tương ứng (xem text trong phần loại hình doanh nghiệp ở form thêm mới)  ký hiệu: symbol  Số lượng: number  Tình trạng sử dụng: status: 0- ngừng sử dụng; 1: Đang sử dụng |
|  |  |

# Ngừng sử dụng

Các tình huống sử dụng

| Đối tượng | Người dùng |
| --- | --- |
| Hoạt động | NSD chọn phân hệ Dải ký hiệu. Trên giao diện liệt kê, với các bản ghi đang sử dụng chọn nút Ngừng sử dụng tại dòng bản ghi tương ứng |
| Thông tin đầu vào | Danh sách dải ký hiệu chứa bản tin được chọn. Nút ngừng sử dụng chỉ hiện thị khi bản ghi có status = 1 (đang sử dụng) |
| Thông tin đầu ra | * Validate khi ấn ngừng sử dụng:   + Hiển thị câu xác nhận NSD xóa hay không “Bạn có chắc chắn muốn ngừng sử dụng bản ghi?”. Chọn Có: thì thực hiện cập nhật bảng **register\_publish\_invoices, set status** = 0.Sau khi cập nhật thành công và thông báo “Ngừng sử dụng dải ký hiệu phát hành hóa đơn thành công”  Quay lại danh sách với tình trạng bản ghi vừa xử lý là ngừng sử dụng, |

# Tiếp tục sử dụng

Các tình huống sử dụng

| Đối tượng | Người dùng |
| --- | --- |
| Hoạt động | NSD chọn phân hệ Dải ký hiệu. Trên giao diện liệt kê, với các bản ghi ngừng sử dụng chọn nút Tiếp tục sử dụng tại dòng bản ghi tương ứng |
| Thông tin đầu vào | Danh sách dải ký hiệu chứa bản tin được chọn. Nút tiếp tục sử dụng chỉ hiển thị khi bản ghi có status = 0 (ngừng sử dụng) |
| Thông tin đầu ra | * Validate khi ấn tiếp tục sử dụng:   + Hiển thị câu xác nhận NSD xóa hay không “Bạn có chắc chắn muốn tiếp tục sử dụng bản ghi?”. Chọn Có: thì thực hiện cập nhật **register\_publish\_invoices.status** = 1. Sau khi cập nhật thành công thì thông báo “Tiếp tục sử dụng dải hóa đơn phát hành thành công”  + Quay lại danh sách với tình trạng bản ghi vừa xử lý là Đang sử dụng, |

# Xóa

Các tình huống sử dụng

| Đối tượng | Người dùng |
| --- | --- |
| Hoạt động | NSD chọn phân hệ Dải ký hiệu. Trên giao diện liệt kê, chọn chức năng xóa tại dòng bản ghi tương ứng |
| Thông tin đầu vào | Danh sách dải ký hiệu chứa bản tin được chọn |
| Thông tin đầu ra | * Validate khi ấn tiếp tục sử dụng:   + Hiển thị câu xác nhận NSD xóa hay không “Bạn có chắc chắn muốn xóa bản ghi?”. Chọn Có: thì thực hiện kiểm tra ràng buộc dữ liệu với bảng Invoice (hóa đơn của đơn vị). Nếu có bản tin trong Invoice (trạng thái khác -1, hóa đơn đã xóa) thì show cảnh báo “Dải ký hiệu đang sử dụng để phát hành hóa đơn”. Nếu không có bản tin ràng buộc thì gọi API xóa dải ký hiệu trên  **Inv\_PSRemovePublishInvoice (**[**https://docs.google.com/document/d/1QAF9kdndYXOguLq\_VhARQsztmUSpNCwk1mjfRVxgzJw/edit#heading=h.xuqrqyezk173**](https://docs.google.com/document/d/1QAF9kdndYXOguLq_VhARQsztmUSpNCwk1mjfRVxgzJw/edit#heading=h.xuqrqyezk173) **với** Account =**config\_invoices.username có enterprise\_id là id đơn vị đang được chọn** , ACpass=**config\_invoices.password đã giải mã có enterprise\_id là id đơn vị đang được chọn**, username = **config\_invoices.username có enterprise\_id là id đơn vị đang được chọn**, password =**config\_invoices.password đã giải mã có enterprise\_id là id đơn vị đang được chọn** , Pattern= **register\_publish\_invoices.**template\_name ứng với dải ký hiệu đang chọn ,Serial=**register\_publish\_invoices.symbol** ứng với dải ký hiệu đang chọn  - Trường hợp API trả về thông báo không thành công thì hiển thị thông báo Xóa dải hóa đơn phát hành không thành công| <Mã lỗi hóa đơn điện tử trả về>  - Trường hợp API trả về thành công thì thực hiện và cập nhật **register\_publish\_invoices.status** = -1(nếu API trả về thành công). và thông báo “Xóa dải hóa đơn phát hành thành công”  + Quay lại danh sách không bao gồm bản ghi đã xóa, load lại số lượng bản ghi, phân trang và tổng số trang. |
|  |  |

# Gia hạn dải

Các tình huống sử dụng

| Đối tượng | Người dùng |
| --- | --- |
| Hoạt động | NSD chọn phân hệ Dải ký hiệu. Trên giao diện liệt kê, chọn chức năng gia hạn dải tại dòng bản ghi tương ứng |
| Thông tin đầu vào | Danh sách dải ký hiệu chứa bản tin được chọn |
| Thông tin đầu ra | Khi gia hạn dải hiển thị giao diện popup gồm thông tin   * Dải ký hiệu: là dải ký hiệu của bản tin được chọn. Chỉ hiển thị, không được phép sửa * Số lượng(\*): cho phép người dùng nhập số lượn, số nguyên dương lơn hơn 0   + Các trường bắt buộc để trống thì hiển thị tooltip cảnh báo “<Tên trường>” không được để trống.”  + Các trường có quy định kiểu dữ liệu, nếu nhập sai thì hiện tooltip cảnh báo “<Tên trường>” sai định dạng dữ liệu  Nếu đúng, bấm gia hạn, thực hiện gọi HDDT  **Inv\_PSRegisterPublishInvoice (**[**https://docs.google.com/document/d/1QAF9kdndYXOguLq\_VhARQsztmUSpNCwk1mjfRVxgzJw/edit#heading=h.nnc2wokl4l42**](https://docs.google.com/document/d/1QAF9kdndYXOguLq_VhARQsztmUSpNCwk1mjfRVxgzJw/edit#heading=h.nnc2wokl4l42) **với** Account =**config\_invoices.username với enterprise\_id ứng với đơn vị đang được chọn** , ACpass=**config\_invoices.password đã giải mã với enterprise\_id ứng với đơn vị đang được chọn**, username = **config\_invoices.username với enterprise\_id ứng với đơn vị đang được chọn**, password =**config\_invoices.password đã giải mã** **với enterprise\_id ứng với đơn vị đang được chọn**, Pattern=**register\_publish\_invoices.template\_name của bản ghi đang được gia hạn** , Type=1, Serial=Trường dải ký hiệu trên form thêm mới, Quantity=trường số lượng trên form thêm mới  - Trường hợp API trả về thông báo không thành công thì hiển thị thông báo Gia hạn dải hóa đơn phát hành không thành công| <Mã lỗi hóa đơn điện tử trả về>  - Trường hợp API trả về thành công thì thực hiện cộng gộp số lượng vào bản ghi gốc, đồng thời lưu bản tin lịch sử trong  **history\_register\_publish\_invoices (**  **symbol = ký hiệu trên form**  **number = số lượng trên form**  **enterprise\_id = id đơn vị đang tạo**  **creator\_id= updater\_id = id người dùng đang đăng nhập**  **created\_date=updated\_date = now**  **type= 2**  **) đồng thời thông báo “ Gia hạn dải hóa đơn phát hành thành công”** |

# Đồng bộ mẫu số và dải ký hiệu

Các tình huống sử dụng

| Đối tượng | Người dùng |
| --- | --- |
| Hoạt động | Người dùng đăng nhập hệ thống thành công và có vai trò thực hiện chức năng đồng bộ mẫu số và danh sách dải ký hiệu |
| Thông tin đầu vào | User phải đăng nhập thành công vào hệ thống |
| Thông tin đầu ra | 1. Thực hiện đồng bộ mẫu số   Thực hiện gọi API **Inv\_CustomerGetsInvtemp (**[**https://docs.google.com/document/d/1QAF9kdndYXOguLq\_VhARQsztmUSpNCwk1mjfRVxgzJw/edit#heading=h.rhbj2fksq524**](https://docs.google.com/document/d/1QAF9kdndYXOguLq_VhARQsztmUSpNCwk1mjfRVxgzJw/edit#heading=h.rhbj2fksq524) **)**cus\_id: lấy trong **config\_invoices.cus\_id của bản ghi có enterprise\_id = id đơn vị đang được chọn,** taxcode lấy trong **invoice\_infomation.taxcode của bản ghi có enterprise\_id = id đơn vị đang được chọn,** offset=0, limit=100**)**  - Nếu API trả về success = false thì hiển thị thông báo **“Lấy mẫu của đơn vị từ Invoice không thành công” + API trả về errorcode|returnvalue và kết thúc**  - Nếu thành công thì **thực hiện:**  **1. 1. Đối với các mẫu số API trả về không có trong bảng invoice\_templates thì thực hiện insert** enterprise\_id: id đơn vị đang được chọn  + invoice\_type: API trả về **Inv\_CustomerGetsInvtemp**.TemplateType  + invoice\_template\_code: API trả về **Inv\_CustomerGetsInvtemp**.Identification  + invoice\_templace\_name: API trả về **Inv\_CustomerGetsInvtemp**.Templatename  + invoice\_category\_template\_id:API trả về **Inv\_CustomerGetsInvtemp**.Invcateid  + invoice\_category\_template\_name: API trả về**Inv\_CustomerGetsInvtemp**.Invcatename  + category\_template\_invoice\_id: để trống  + template\_name: API trả về **Inv\_CustomerGetsInvtemp**.Pattern  + status: 1  + creator\_id = updater\_id = id đang đăng nhập  + created\_date = updated\_date = now  **1.2. Đối với các bản ghi không có trong API trả về nhưng có trong bảng invoice\_templates có status khác -1 và có invoice\_templace\_name khác HoaDonGiay thì thực hiện cập nhật các bản ghi đó về -1.**   1. **Đồng bộ dải ký hiệu**   **Thực hiện gọi Inv\_CustomerFullinfo(**[**https://docs.google.com/document/d/1QAF9kdndYXOguLq\_VhARQsztmUSpNCwk1mjfRVxgzJw/edit#heading=h.wmtbavnp1cn**](https://docs.google.com/document/d/1QAF9kdndYXOguLq_VhARQsztmUSpNCwk1mjfRVxgzJw/edit#heading=h.wmtbavnp1cn) **với** cus\_id: lấy trong **config\_invoices.cus\_id của bản ghi có enterprise\_id = id đơn vị đang được chọn,** taxcode lấy trong **invoice\_infomation.taxcode của bản ghi có enterprise\_id là id đơn vị đang được chọn)**  - Nếu API trả về success = false thì hiển thị thông báo **“Lấy dải hóa đơn phát hành của đơn vị từ Invoice không thành công” + API trả về errorcode|returnvalue và kết thúc**  - Nếu thành công thì **thực hiện:**  **Lấy danh sách dải hóa đơn từ 'DaiHDon mà API trả về, lấy các bản ghi có TrangThai = 1( chưa sử dụng), bằng 2( đang sử dụng)**  **2. 1. Đối với các dải ký API trả về không có trong bảng register\_publish\_invoices thì thực hiện insert**  invoice\_template\_id = **invoice\_templates.Id. Bằng cách lấy invoice\_templates.template\_name= MauSo API trả về và có status <> 1 (Nếu không có bản ghi nào tương ứng trong template\_name được tìm thấy thì để trống**  symbol = KyHieu API trả về  number = SLuong API trả về  start\_number = TuSo API trả về  end\_number = DenSo API trả về  start\_date = ngày hiện tại  status = 1  enterprise\_id = id của đơn vị đang chọn  start\_year = năm sử dụng trên form  enterprise\_type là ký tự thứ 4 của dải ký hiệu  invoice\_type = dựa vào KyHieu API trả về   * là 1 nếu ký tự đầu tiên của KyHieu API trả về là C và ký tự thứ 4 khác M * là 2 nếu ký hiệu đầu tiên của KyHieu API trả về là K * là 3 nếu ký tự đầu tiên của KyHieu API trả về là C và ký tự thứ 4 là M   template\_name = MauSo API trả về  invoice\_category\_template\_id = **invoice\_templates.**invoice\_category\_template\_id **. Bằng cách lấy invoice\_templates.template\_name= MauSo API trả về và có status <> 1 (Nếu không có bản ghi nào tương ứng trong template\_name được tìm thấy thì để trống**  **invoice\_category\_template\_name = invoice\_templates.invoice\_category\_template\_name . Bằng cách lấy invoice\_templates.template\_name= MauSo API trả về và có status <> 1 (Nếu không có bản ghi nào tương ứng trong template\_name được tìm thấy thì để trống**  creator\_id=updater\_id = id user đăng nhập  created\_date = updated\_date = now  )  Đồng thời lưu bảng lịch sử  **history\_register\_publish\_invoices (**  **symbol = trường KyHieu API trả về**  **number = SLuong API trả về**  **enterprise\_id = id đơn vị đang tạo**  **creator\_id= updater\_id = id người dùng đang đăng nhập**  **created\_date=updated\_date = now**  **type= 3**  **1.2. Đối với các bản ghi không có trong API trả về nhưng có trong bảng register\_publish\_invoices có status khác -1 và có invoice\_category\_template\_name khác HoaDonGiay thì thực hiện cập nhật các bản ghi đó về -1.** |
|  |  |